

Số: /2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 tháng 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của trẻ em, học sinh (*sau đây gọi chung là học sinh*) trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục*) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Học sinh học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi của từng khoản thu; phải được sự thoả thuận của phụ huynh học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn (*đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên công lập*) và được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (*theo phân cấp quản lý*) phê duyệt.

2. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định hiện hành.

3. Các cơ sở giáo dục tổ chức thu các khoản thu theo quy định, mức thu từng khoản phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của phụ huynh học sinh. Không nhất thiết phải thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết này. Có trách nhiệm hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

4. Khuyến khích phụ huynh học sinh có điều kiện kinh tế tự nguyện đóng góp, ủng hộ cho nhà trường và học sinh với mức cao hơn Nghị quyết này. Các cơ sở giáo dục thống nhất với Hội đồng trường hoặc Hội đồng tư vấn xem xét miễn, giảm các khoản thu đối với học sinh thuộc đối tượng chính sách, gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 3. Quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tại các cơ sở giáo dục (nghìn đồng)		Hình thức thu
			thành phố, thị trấn	các xã	
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu tối đa				
1	Dịch vụ hỗ trợ nhân viên hợp đồng/thuê nhân viên nấu ăn (trừ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non)	Học sinh/tháng	100	90	Thu theo tháng
2	Dịch vụ dạy môn ngoại ngữ cho học sinh lớp 1, lớp 2 (môn tự chọn, theo đăng ký tự nguyện của gia đình học sinh)	Học sinh/tiết	8	7.5	Thu theo tháng
3	Dịch vụ dạy môn Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 (môn tự chọn, theo đăng ký tự nguyện của gia đình học sinh)	Học sinh/tiết	8	7.5	Thu theo tháng
4	Dịch vụ dạy học tăng cường đối với các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông, dạy học bồi dưỡng, dạy học ôn thi				
a	Cơ sở giáo dục tiểu học	Học sinh/tiết	8	7.5	Thu theo kỳ
b	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Học sinh/tiết	9	8,5	Thu theo kỳ
5	Dịch vụ quản lý, trông trẻ ngoài giờ hành chính (trước giờ vào học buổi sáng, sau khi kết thúc giờ học buổi chiều)	Trẻ/giờ	8,5	8	Thu theo tháng (theo số giờ thực tế/tháng)
6	Dịch vụ hỗ trợ phục vụ trông học sinh buổi trưa (đối với trường tổ chức bán trú cho học sinh)				
a	Cơ sở giáo dục Mầm non	Học sinh/Tháng	130	120	Thu theo tháng
b	Cơ sở giáo dục Tiểu học	Học sinh/Tháng	120	110	Thu theo tháng
7	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, hè)	Trẻ/buổi thực học	30	25	Thu theo tháng (theo số ngày thực học/tháng)
8	Dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tại các cơ sở giáo dục (nghìn đồng)		Hình thức thu
			thành phố, thị trấn	các xã	
a	Dịch vụ phục vụ phô tô đề kiểm tra, đánh giá thường xuyên	Học sinh/ môn học/ lần kiểm tra	1	1	Thu theo học kì
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì	Học sinh/ môn học/ lần kiểm tra	5	4,5	Thu theo học kì
c	Dịch vụ phục vụ tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi	Môn thi/ lần thi	15	15	Thu theo học kì
9	Dịch vụ phục vụ vệ sinh trường học	Học sinh (trẻ)/tháng			
a	Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học	đồng/học sinh/tháng	30	25	Thu theo học kỳ
b	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	đồng/học sinh/tháng	20	18	Thu theo học kỳ
II Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu					
1	Dịch vụ phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	Học sinh/năm học	Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Thu theo năm học
2	Dịch vụ dạy làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo với giáo viên trong nước và nước ngoài (theo đăng ký tự nguyện của gia đình trẻ)	Trẻ/hoạt động	Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Thu theo tháng
3	Dịch vụ dạy môn ngoại ngữ cho học sinh lớp 1, lớp 2 với giáo viên nước ngoài (môn tự chọn, theo đăng ký tự nguyện của gia đình học sinh)	Học sinh/tiết	Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Thu theo tháng
4	Dịch vụ phục vụ điện, nước sinh hoạt cho học sinh				
a	Đối với cơ sở giáo dục đã tách đồng hồ đo mức tiêu thụ điện, nước khu lớp học riêng, khu hiệu bộ riêng	Học sinh/tháng	Thu theo hóa đơn thực tế		Thu theo học kỳ, trên cơ sở dự toán mức điện, nước tiêu thụ từng tháng
b	Đối với cơ sở giáo dục chưa tách đồng hồ đo mức tiêu thụ điện, nước khu lớp học riêng, khu hiệu bộ riêng	Học sinh/tháng	Thu tối đa 80% giá trị hóa đơn thực tế		
5	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho học sinh	Học sinh/tháng	Theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh		Thu theo học kì

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày thángnăm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2025.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, GD&ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS Kỳ họp.

Đoàn Thị Hậu